

Bản án số: 917/2024/DS-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Huệ

2/ Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 884/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 459/2024/QĐHPT-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: quận 3, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1993

Địa chỉ: quận 1, TPHCM

Giấy ủy quyền số 27-10/GUQ-CNQ7 ngày 27/10/2023

Bị đơn: Ông Trần Quốc A, sinh năm 1991

Địa chỉ: quận 4, TPHCM

Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2019 ông Trần Quốc A có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với Ngân hàng A để vay hạn mức tín dụng. Ngân hàng đã cấp 2 thẻ tín dụng cùng hạn mức 55.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ ông Quốc A đã thực hiện nhiều giao dịch đối với hai thẻ tín dụng, cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng số 356481 – 3437 giao dịch tổng số tiền 145.200.000 đồng. Ông Quốc A đã thanh toán 140.400.000 đồng bao gồm nợ gốc, lãi, phí. Tính đến ngày 06/8/2024 dư nợ còn lại chưa thanh toán là: Nợ gốc 48.463.243 đồng + lãi quá hạn 29.558.025 đồng = 78.021.268 đồng;

- Đối với thẻ tín dụng số 472075 – 2001 giao dịch với tổng số tiền 90.218.000 đồng. Ông Quốc A đã thanh toán 82.353.000 đồng bao gồm nợ gốc, lãi, phí. Tính đến ngày 06/8/2024 dư nợ còn lại chưa thanh toán là: Nợ gốc 19.659.276 đồng + lãi quá hạn 11.990.349 đồng = 31.649.625 đồng;

Tổng cộng là 109.670.893 đồng. Yêu cầu ông Trần Quốc A thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong theo thỏa thuận của hợp đồng.

Bị đơn là ông Trần Quốc A mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện nguyên đơn có nộp bản tự khai và tóm tắt sao kê ghi ngày 18/9/2024. Theo đó, dư nợ chưa thanh toán 02 thẻ tín dụng là: Nợ gốc 68.122.519 đồng + lãi quá hạn 45.599.576 đồng = 113.722.095 đồng. Các yêu cầu khác giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và

chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn có vay tiền của nguyên đơn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên xác định giữa bị đơn và nguyên đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản thông qua hình thức cấp tín dụng. Xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 [Luật Tổ chức tín dụng năm 2010](#).

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo địa chỉ bị đơn đăng ký thường trú. Tòa án nhân dân quận 4 đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn, kết quả thể hiện: “*Ông Trần Quốc A, sinh năm 1991 hiện đang tạm trú ...quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh*”. Xác định đây là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn nên Tòa án nhân dân quận 4 đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đương sự không

đến tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/01/2019; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cấp 02 thẻ tín dụng cho bị đơn, mỗi thẻ có hạn mức 55.000.000 đồng để tiêu dùng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến thời điểm xét xử dư nợ gốc lãi là: Nợ gốc 68.122.519 đồng + lãi quá hạn 45.599.576 đồng = 113.722.095 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Xét thấy, nguyên đơn đã tính đúng dư nợ gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Nội dung yêu cầu của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Chủ thẻ ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi, phí theo thỏa thuận giữa hai bên được ký kết trong hợp đồng tính từ thời điểm xét xử cho đến khi thi hành án xong. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng A đối với bị đơn là ông Trần Quốc A.

Buộc ông Trần Quốc A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 113.722.095 đồng (*một trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là 68.122.519 đồng (*sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm mười chín đồng*), nợ lãi là 45.599.576 đồng (*bốn mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.686.104 đồng (*năm triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, một trăm lẻ bốn đồng*).

Hoàn tạm nộp án phí cho Ngân hàng A số tiền 2.064.000 đồng (*hai triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2023/0042729 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị